TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **34**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2018
V/v "Yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính, ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *không tham gia phiên toà.*

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01-8-2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơnbà Hoàng Thị P trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ (sau đây được gọi là bà P, ông Đ) tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là về tình cảm và kinh tế gia đình, nên cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ đã không còn chung

sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà Hoàng Thị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà P và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị P vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23-7-2018.

** Tại bản tự khai ngày 23-7-2018 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận lời trình của bà Hoàng Thị P về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông, nên ông Nguyễn Văn Đ đồng ý và yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn của bà Hoàng Thị P.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà P và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23-7-2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn bà Hoàng Thị P làm đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ theo quy định. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23-7-2018 nguyên đơn bà Hoàng Thị P và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cùng làm đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị P và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán người Việt Nam, mặc dù ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc chung sống giữa bà Hoàng

Thị P và ông Nguyễn Văn Đ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ cùng thừa nhận cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân do cuộc sống chung thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không cùng quan điểm sống, tình cảm hai người không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay.

Căn cứ pháp lý: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung trở nên trầm trọng, tình cảm của bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Vì vậy,Tòa án cần tuyên không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Căn cứ pháp lý:*

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ: Điều 463 và Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ: Điều 37; Điều 51 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 463 và Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 37; Điều 51 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị P.

Không công nhận quan hệ là vợ, chồng giữa bà Hoàng Thị P, sinh năm: 1978 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1975, cùng địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 026500 ngày 27-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo : Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán